

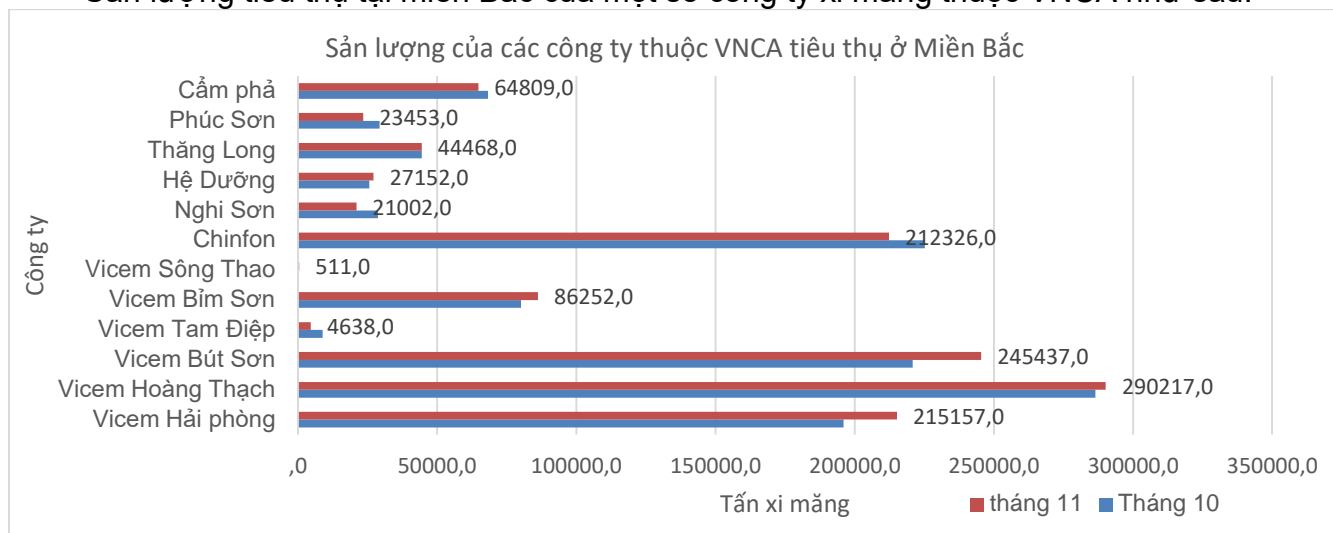
TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 11/2019

A- TIÊU THỤ NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

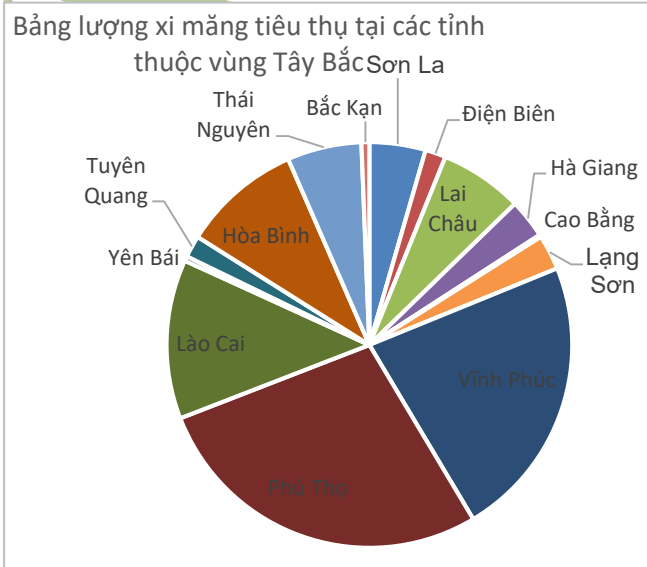
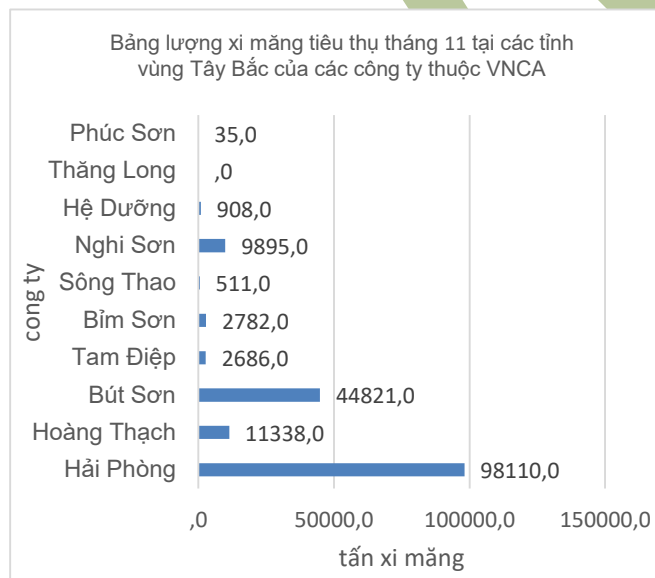
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 11 là: 2.266.172 tấn (tháng 10 là 2.388.238 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

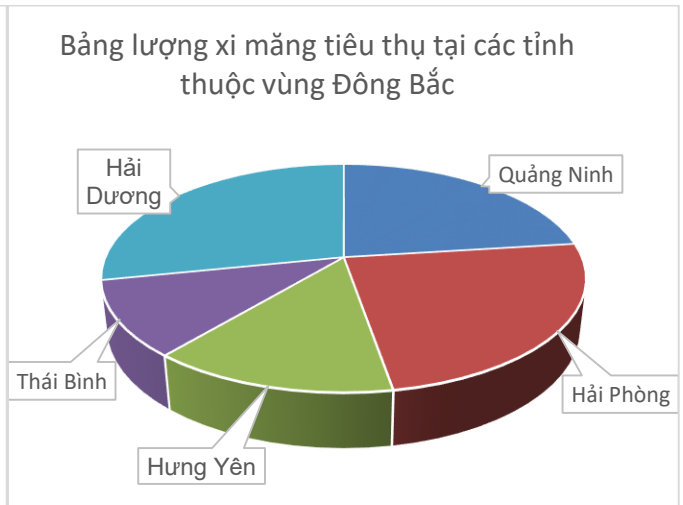
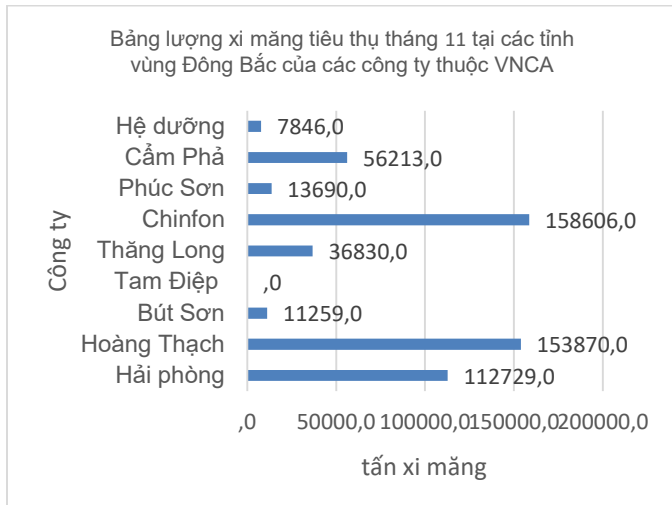


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 11 như sau:

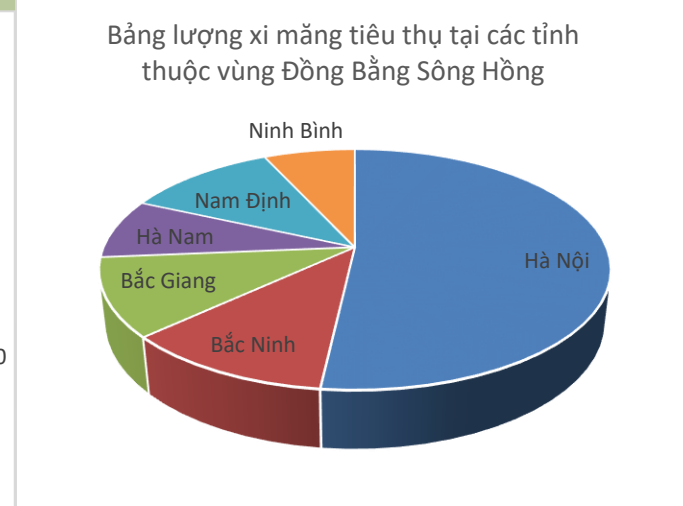
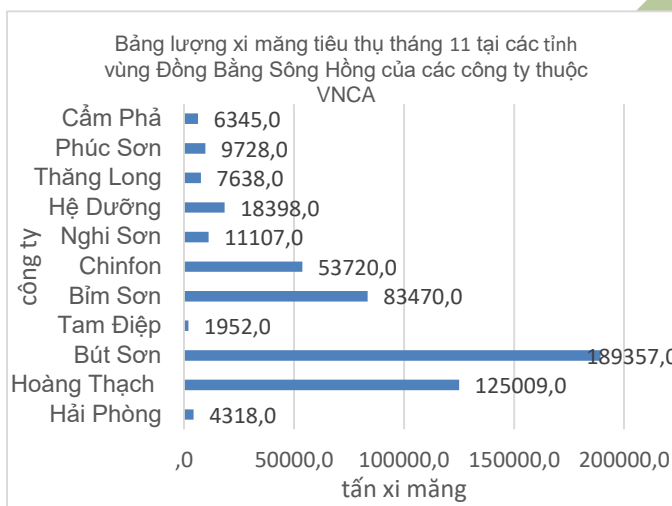
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình:

- XM ChinFon: 1.500
- XM Bút Sơn: 1.410

3. Tại Lạng Sơn:

- XM Phúc Sơn: 1.300
- XM Chinfon: 1.400
- XM Hoàng Thạch: 1.440
- XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.240
- XM Quang Sơn: 1.270
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.400
- XM Phúc Sơn: 1.290
- XM Chin Fon: 1.400
- XM Lam Thạch: 1.200
- XM Thăng Long PCB 40: 1.350
- XM Hạ Long PCB 40: 1.360
- XM Cầm phả PCB 40: 1.300

6. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.430
- XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.450

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.420 - *Hoàng Thạch: 1.420*

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.400	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bỉm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.440

13. Tai Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.430 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bỉm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

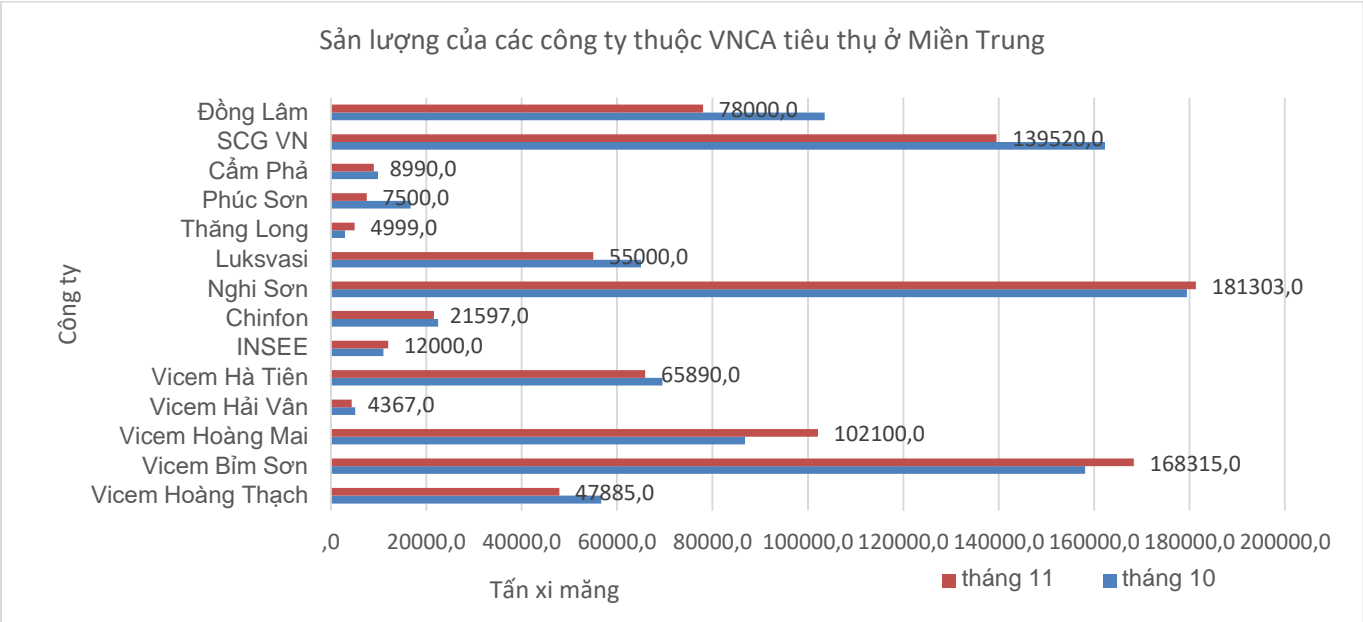
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.470 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thị trường xi măng miền Trung:

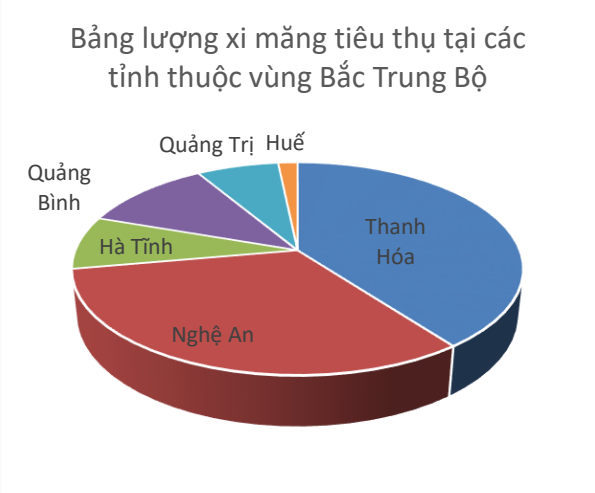
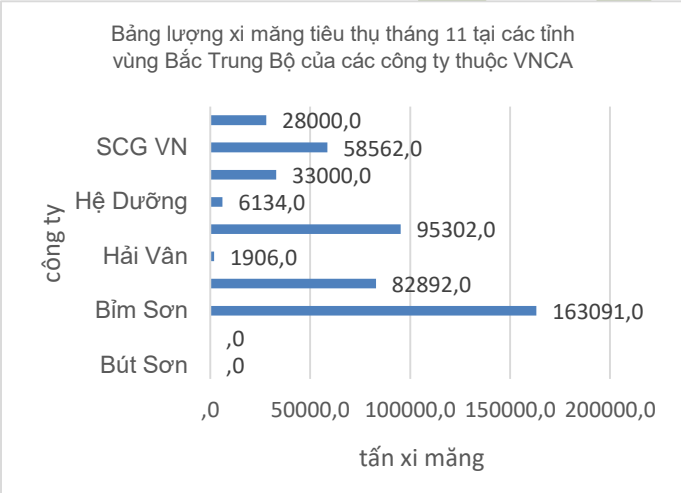
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 11: 1.248.610 tấn (tháng 10 là 1.334.820 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

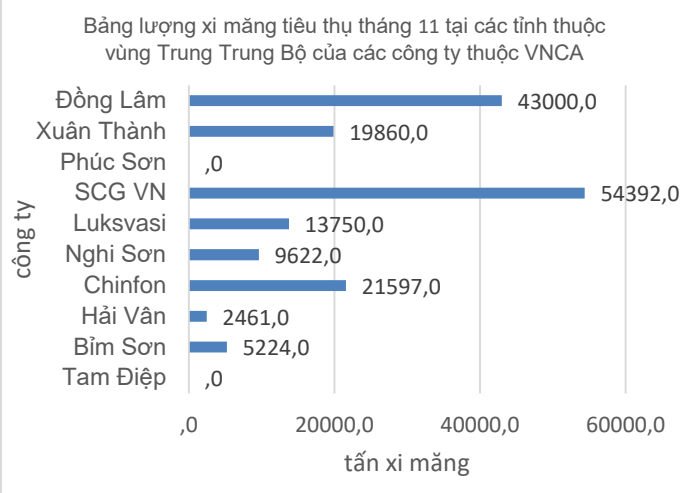


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 11/2019 như sau:

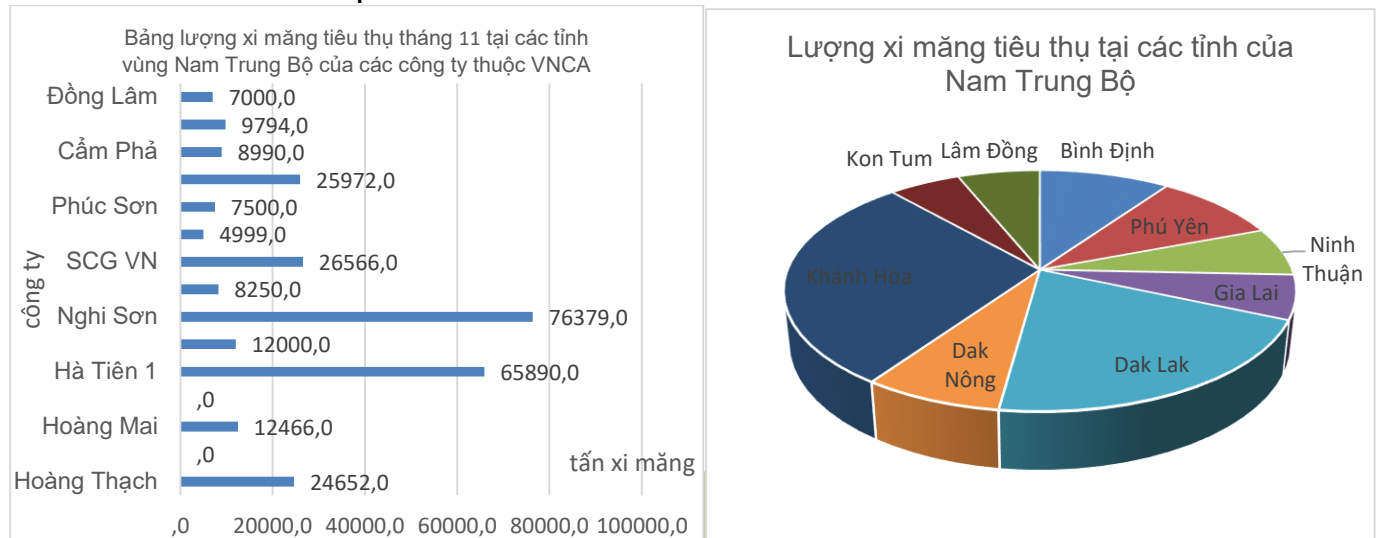
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ



VÙNG NAM TRUNG BỘ:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035
- XM Bỉm Sơn: 1.350
- XM Hoàng Mai PCB 40 : 1.360

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100
- XM Quảng Trị: 980
- XM Sông Gianh: 1.360
- Phúc sơn: 1.340
- XM Luks VN PCB 40: 1.300
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng:**

- XM Sông Gianh: 1.500
- XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540
- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530
- XM Phúc Sơn: 1.480
- XM luks VN PCB 40: 1.520
- ChinFon: 1.520

*** Giá XM tại Gia lai, Đắc lắk, Kontum:**

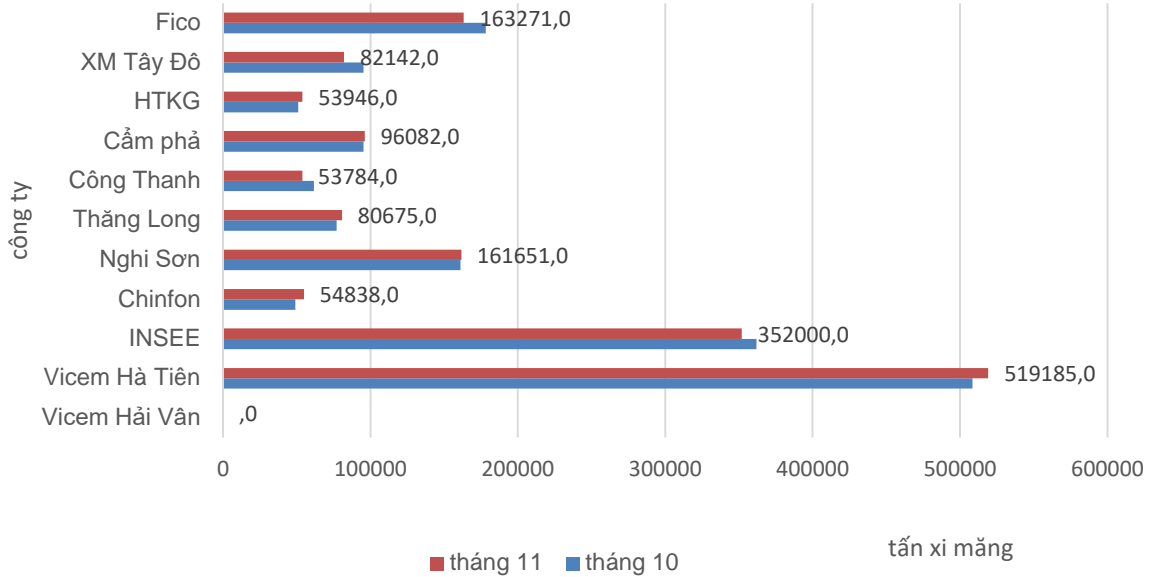
- XM Hoàng Thạch: 1.830
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830
- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730
- XM Thăng Long 1.730
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.921.910 tấn (tháng 10 là 2.006.713 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

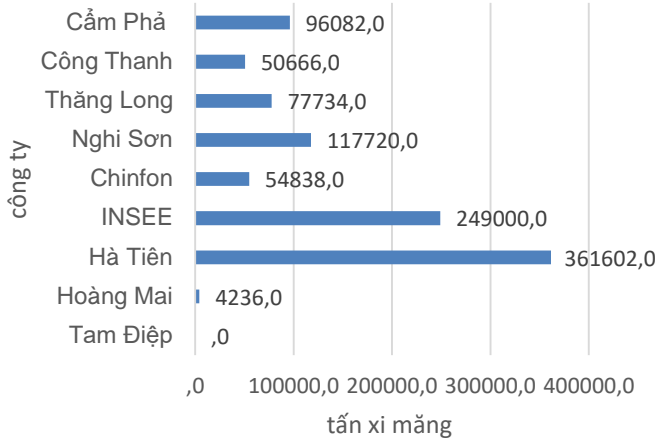
Sản lượng của các công ty thuộc VNCA tiêu thụ ở Miền Nam



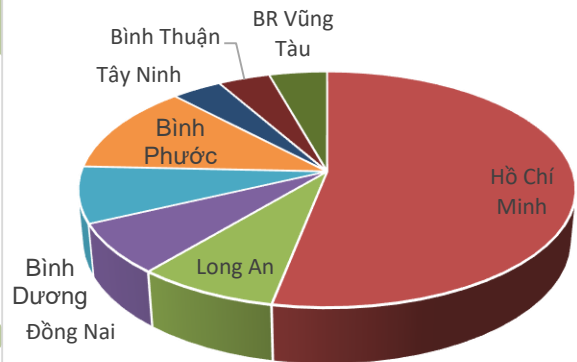
Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 11/2019 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:

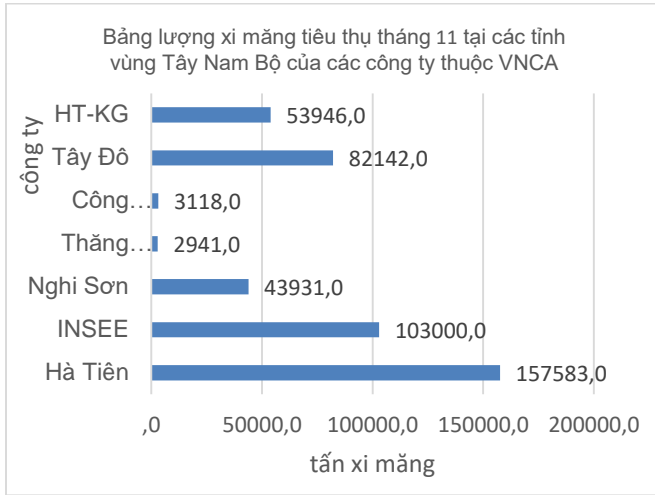
Bảng lượng xi măng tiêu thụ tháng 11 tại các tỉnh vùng Đông Nam Bộ của các công ty thuộc VNCA



Lượng xi măng tiêu thụ tại các tỉnh của Đông Nam Bộ



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.560
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680
- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- INSEE: 1.800
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
- XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290 PCB 40: 1.390

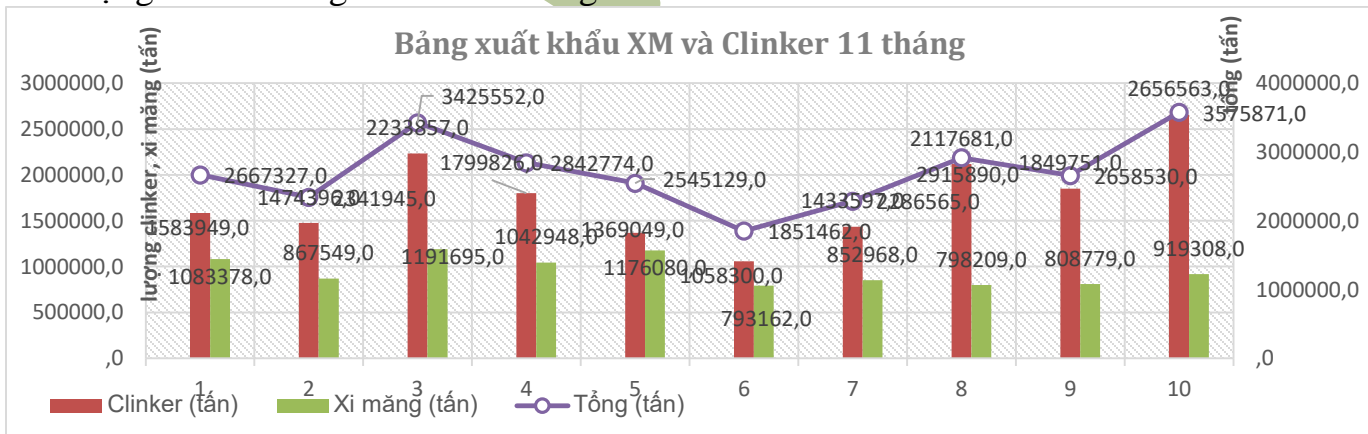
Nhân xét chung thị trường nội địa:

Về giá xi măng: Trong tháng 11, giá xi măng trong nước của một số thương hiệu xi măng khác như xi măng Hoàng Long, The Vissai và XM Duyên Hà có điều chỉnh tăng giá bán 20.000đồng/tấn do đợt điều chỉnh tăng hồi cuối tháng 9, đầu tháng 10 của một loạt các thương hiệu khác nhưng các công ty trên họ chưa thực hiện điều chỉnh. Còn lại nhìn chung giá xi măng vẫn ổn định như giá bán tháng 10.

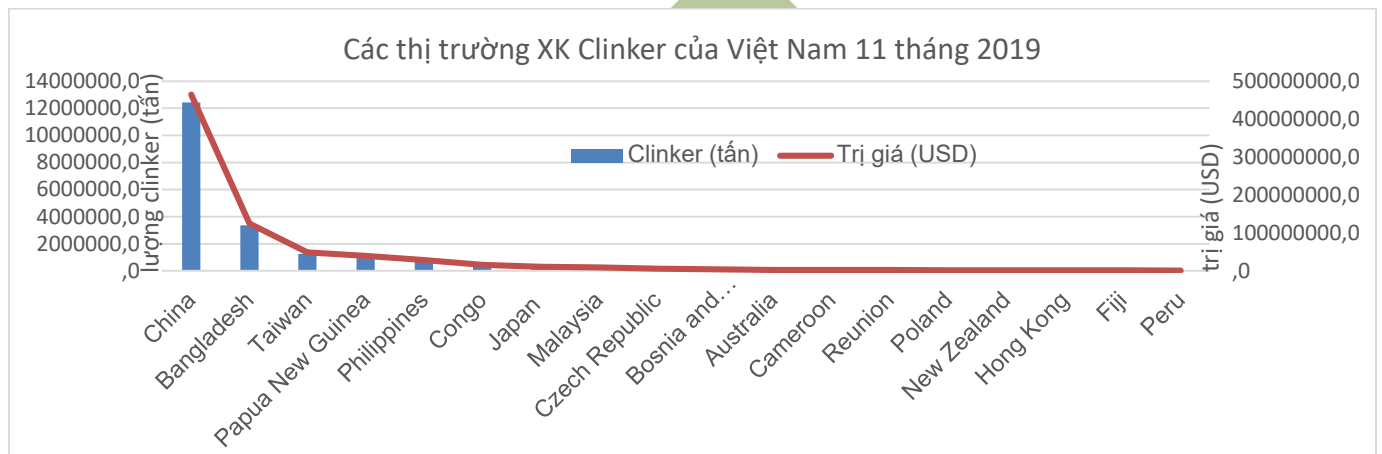
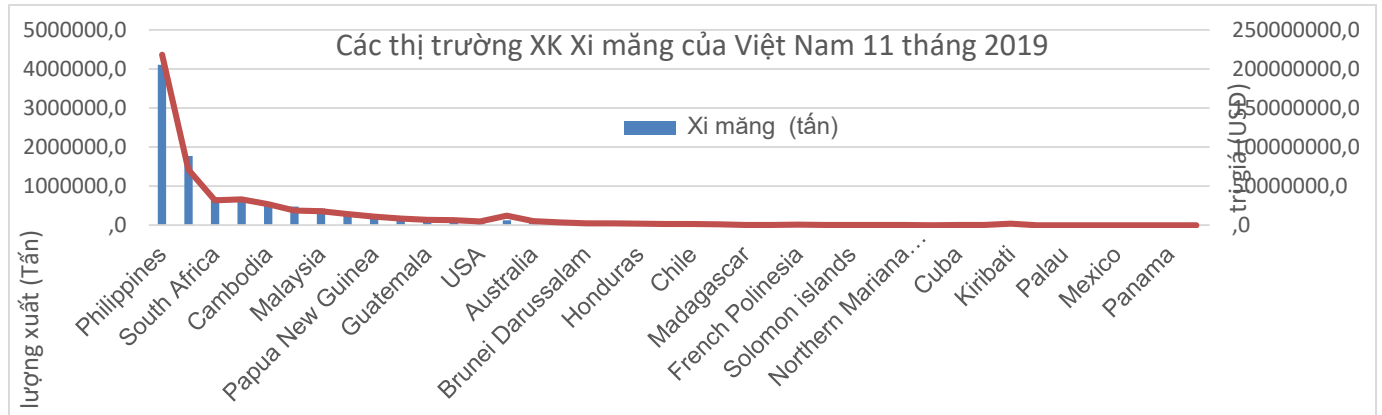
Tồn kho cuối tháng 11: Xi măng: 0,6 triệu tấn; clinker: 2,5 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK)

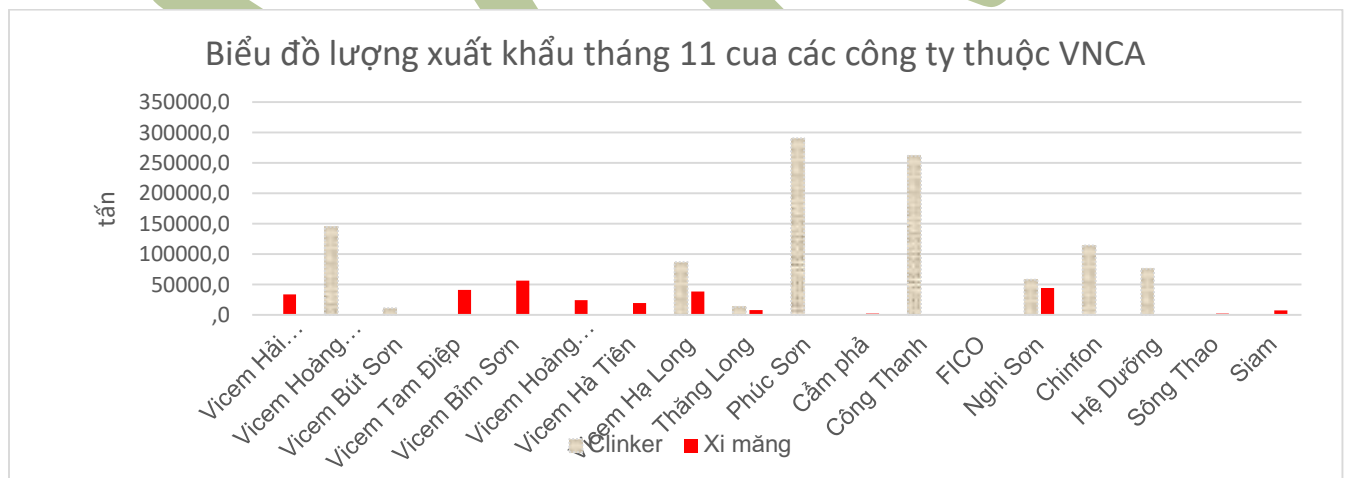
1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 11 như sau:



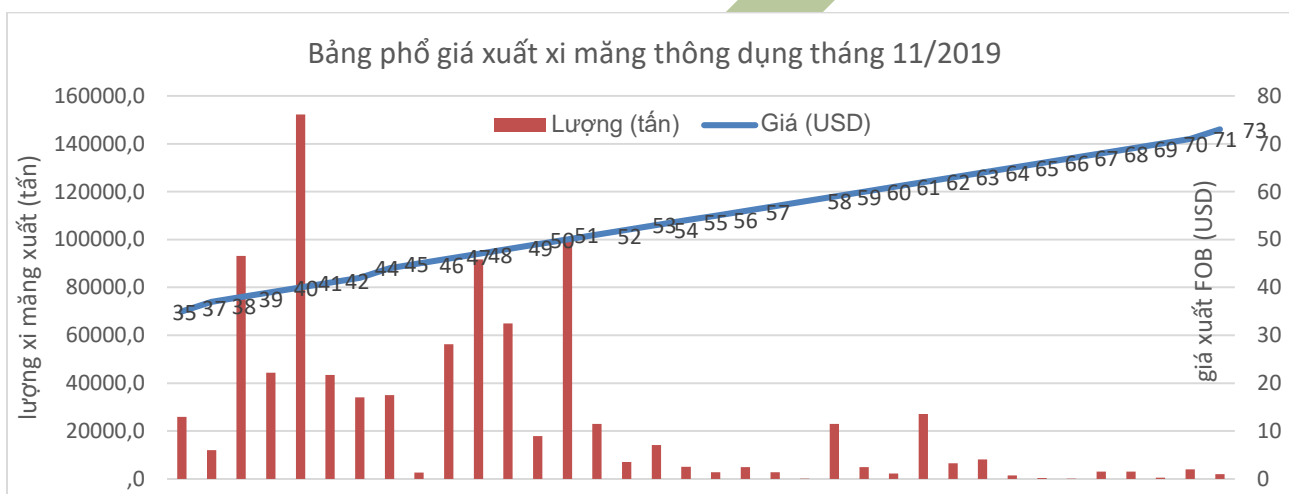
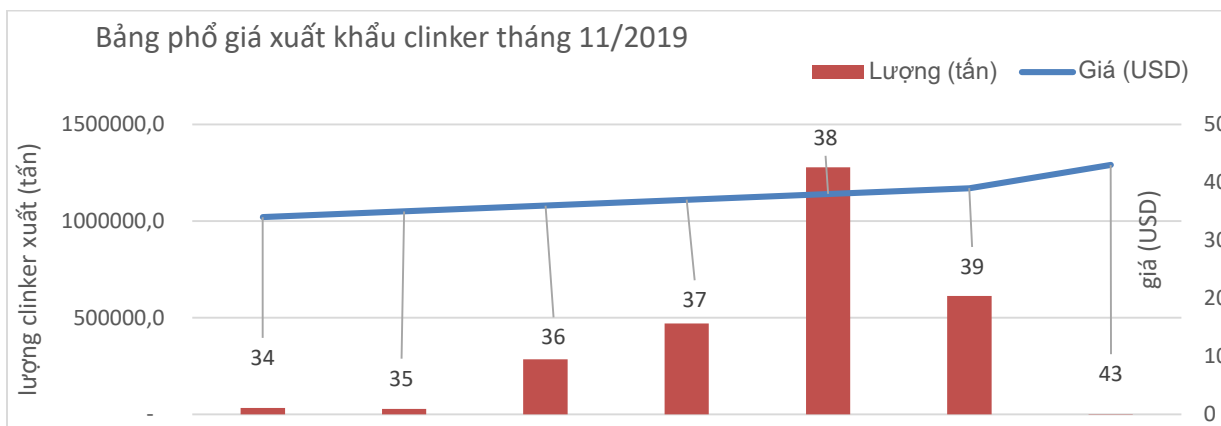
2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 11 tháng 2019:



3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:



4. Bảng phổ giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 11 như sau:



C- SX THÁNG 11, KẾ HOẠCH THÁNG 12/2019 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2019

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 11/2019	Lũy kế SX xi măng 2019	Kế hoạch TTND T12/2019	Lũy kế TTND năm 2019
A	Khối VICEM	2,006,913	20,520,043	2,400,585	19,775,502
1	Vicem Hải Phòng	132,000	1,083,262	227,000	1,545,157
2	Vicem Bỉm Sơn	312,394	2,935,390	278,585	2,476,634
3	Vicem Hoàng Thạch	300,000	2,642,740	360,000	3,610,923
4	Vicem Bút Sơn	166,241	2,586,115	310,000	2,749,588
5	Vicem Hà Tiên	548,800	5,494,296	700,000	6,356,024
6	Vicem Hải Vân	46,478	557,469	65,000	228,310
7	Vicem Hoàng Mai	110,000	1,219,189	140,000	1,152,709
8	Vicem Tam Điệp	141,700	1,346,816	95,000	380,581
9	Vicem Hạ Long	162,900	1,875,438	115,000	829,054
10	Vicem Sông Thao	86,400	778,965	0	446,522
B	Khối LD	1,696,274	18,483,020	1,645,715	16,087,037
1	XM Nghi Sơn	418,125	4,278,549	415,000	3,826,205

2	XM Chinfon	283,149	3,335,057	325,710	3,177,246
3	Siam City Cement	380,000	4,470,000	380,000	3,898,000
4	XM Luks(Vietnam)	110,000	1,275,000	80,000	949,000
5	XM Thăng Long	160,000	1,520,000	140,000	1,132,414
6	XM Hệ Dưỡng	65,000	525,414	57,260	435,363
7	SCG VN	210,000	2,255,000	195,000	2,101,986
8	XM Phúc Sơn	70,000	824,000	52,745	566,823
C	Khôi các Cty xm khác	2,990,000	29,240,000	2,910,000	23,106,000
	Toàn XH: (A+B+C)	6,693,187	68,243,063	6,956,300	58,968,539

Đánh giá:

- TTND tháng 11: 5.436.692 tấn giảm 4% với cùng kỳ năm 2018, bằng 99% so với tháng 10/2019.
- Tiêu thụ nội địa 11 tháng đầu năm 2019: 58.968.539 tấn tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018.
- Xuất khẩu tháng 11: 3.662.528 tấn (trong đó xi măng 925.866 tấn và clinker là 2.736.662 tấn) tăng 32% so với cùng kỳ 2018, tăng 2% so với tháng 10/2019.
- Xuất khẩu 11 tháng/2019: 30.773.573 tấn bằng 104% so với cùng kỳ năm 2018
- TTND và xuất khẩu tháng 11: 9.099.220 tấn bằng 108 % so với cùng kỳ năm 2018, giảm 2% so với tháng 10/2019.
- Lũy kế TTND và xuất khẩu 11 tháng năm 2019: 89.992.112 tấn bằng 102% so với cùng kỳ năm 2018.